

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **365/2020/DS-ST**

Ngày: 15-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 687/2019/TLST-DS ngày 05/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐXXST-DS ngày 22/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2020/QĐST-DS ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Trụ sở chính: 266-268 N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức danh: Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền cho: Bà **Hồ Thị Minh T** – Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thẻ Sacombank (Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL lập ngày 05/5/2020)

Bà Hồ Thị Minh Tuyết ủy quyền lại cho: Ông **Trần Trường G**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Lầu 8, 266 – 268 N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 902/2020/UQ-TTT ngày 23/6/2020; Ông G vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: 7/4 ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2019; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Trường G trình bày:

Ngày 03/06/2010, bà Phan Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/ tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.643.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.345.649 đồng, dư nợ gốc là 8.009.957 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/01/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc số tiền là 8.009.957 đồng. Tính đến ngày 15/09/2020, bà H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 8.009.957 đồng;

- Lãi quá hạn : 17.738.660 đồng;

Tổng cộng: 25.748.617 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ; tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu:

- Bà Phan Thị Ngọc H phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/09/2020 là 25.748.617 đồng, trong đó nợ gốc là 8.009.957 đồng và lãi quá hạn là 17.738.660 đồng.

- Bà Phan Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/09/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng;

Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Phan Thị Ngọc H. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “*Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm: 1985 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 7/4 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Đây cũng là địa chỉ mà bà H cung cấp cho bên ngân hàng và ghi trên hợp đồng tín dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Trường Giang có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Phan Thị Ngọc H nhưng bà H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004 có hiệu lực nên Tòa án

áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004 và khoản 4 Điều 161 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Ngọc H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/09/2020 là 25.748.617 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 16/09/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng;

[6] Còn bị đơn bà Phan Thị Ngọc H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà H vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 03/6/2010 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Phan Thị Ngọc H là phù hợp theo quy định tại Điều 51 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.

[8] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 03/6/2010 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Thông báo số 113/TB-TT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng về thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng, bảng sao kê số thẻ 486265-2093 từ ngày 20/7/2010 thì có cơ sở để xác định bà Phan Thị Ngọc H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất là 2.15%/tháng.

[9] Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 19/8/2020, sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.643.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.345.649 đồng, dư nợ gốc còn lại 8.009.957 đồng.

[10] Căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về thứ tự thanh toán như sau: *“Số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản lãi, phí trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch”*. Cụ thể như sau:

- Số tiền bà H đã giao dịch: 20.643.900 đồng;
- Số tiền bà H thanh toán: 30.345.649 đồng;
- Phí, lãi phải trả: 17,711,706 đồng.

Như vậy, số dư nợ gốc bà H phải trả tính đến ngày 15/9/2020 là: 20.643.900 đồng – (30.345.649 đồng – 17.711.706 đồng) = 8.009.957 đồng.

Từ ngày 25/11/2014 đến nay, bà H đã ngưng không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng.

[11] Căn cứ Điều 2 của điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại có quy định *“không phải đưa ra thông báo trước, đơn vị phát hành thẻ luôn bảo lưu và có toàn quyền quyết định: Chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ vào bất kỳ lúc nào”*. Do đó, ngày 26/01/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Căn cứ Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có quy định *“áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại)”*.

Như vậy, số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 8.009.957 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/ tháng ( $2,15\% \times 150\%$ ) với số tiền là 17.738.660 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 có quy định về nghĩa vụ của khách hàng vay như sau *“trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng”*.

Căn cứ khoản 4 Điều 161 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định *“Đối với các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng”*

Do Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Ngọc H trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[12] Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Phan Thị Ngọc H, buộc bị đơn bà Phan Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 8.009.957 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 17.738.660 đồng, tổng cộng là 25.748.617 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[13] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.287.431 đồng; nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[14] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 51 và Điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

Căn cứ Điều 161 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Phan Thị Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Phan Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/9/2020 là 25.748.617 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 16/9/2020, bà Phan Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.287.431 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi một đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 560.404 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0008839 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Hồng Cẩm**